TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ VANG** **TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2019/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 02 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa :

- **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị N, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng

- **Bị đơn**: Ông Trần Văn V, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn V thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Lê Anh T, sinh ngày 28/12/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 11/2019, cấp dưỡng vào ngày 02 hàng tháng.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn V tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* bà Trần Thị N tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* bà Trần Thị N đã nộp theo biên lai thu số 2524 ngày 03/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hoàn trả lại bà Trần Thị N số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Án phí cấp dưỡng: 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* ông Trần Văn V tự nguyện chịu.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Hòa Vang;
- Chi cục THADS H. Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Khương;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 138 ngày 28/12/2016);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Diệp